

Vai trò của nhà quản lý giáo dục trước thực trạng bạo lực ngôn từ trong trường đại học

Lê Thị Đỗ Quyên

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Bạo lực ngôn từ được hiểu là những lời nói xúc phạm, miệt thị, lăng mạ hoặc công kích tinh thần, một hình thức bạo lực phi thể chất nhưng để lại hậu quả sâu sắc về mặt tâm lý và xã hội. Môi trường đại học, nơi đề cao tự do học thuật và sự phát triển toàn diện của người học, thế nhưng bạo lực ngôn từ đang âm thầm tồn tại dưới nhiều hình thức và không gian khác nhau, mà dường như vẫn chưa nhận được sự quan tâm đúng mức từ giới nghiên cứu và các nhà quản lý giáo dục. Dựa trên lý thuyết phát triển tâm lý xã hội (psychosocial) của Erik Erikson và lý thuyết vi hiếp (microaggression) của Derald Wing Sue, nghiên cứu này áp dụng phương pháp phân tích tài liệu, nghiên cứu cơ bản và phân tích chủ đề để làm rõ bản chất, nguyên nhân và tác động của bạo lực ngôn từ trong bối cảnh đại học. Kết quả cho thấy bạo lực ngôn từ không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tinh thần và sự phát triển bản sắc của sinh viên, mà còn làm suy giảm chất lượng giáo dục và niềm tin trong môi trường học thuật. Đồng thời, vai trò của nhà quản lý giáo dục là thiết yếu trong việc xây dựng chính sách ứng phó, phát triển văn hóa tôn trọng và tạo lập môi trường đại học lành mạnh.

Từ khóa: bạo lực ngôn từ, nhà quản lý giáo dục, sinh viên đại học, trường đại học

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bạo lực ngôn từ trong trường đại học đã và đang được quan tâm như thế nào? Với vai trò là một giảng viên, tác giả nhiều lần chứng kiến những biểu hiện của bạo lực ngôn từ nơi giảng đường cho đến không gian mạng. Đây là hình thức sử dụng lời nói để xúc phạm, hạ thấp, đe dọa hoặc gây tổn thương cho người khác một cách trực tiếp hoặc thông qua không gian mạng, giữa giảng viên và sinh viên, cũng như giữa sinh viên với nhau, không chỉ ảnh hưởng đến mối quan hệ trong học đường mà còn để lại những hệ lụy sâu sắc về mặt cảm xúc, sức khỏe tinh thần và cả chất lượng giáo dục. Thực trạng trên đặt ra một số vấn đề đáng quan tâm và thôi thúc tác giả thực hiện nghiên cứu này.

Hiện nay, bạo lực ngôn từ là một thực trạng nan giải ở Việt Nam cũng như nhiều quốc gia trên thế giới [1]. Vấn nạn bạo lực ngôn từ học đường là một phần thuộc bạo lực học đường, đã trở thành nỗi ám ảnh, gây nhức nhối của ngành giáo dục đại học và toàn xã hội [2]. So với bạo lực thể chất, bạo lực ngôn từ trong môi trường đại học ngày càng phổ biến và dường như bị xem nhẹ hoặc không được nhận diện rõ ràng. Nhiều người có xu hướng xem đó là những lời nói vô hại do bốc đồng hoặc chỉ là một phần giao tiếp thông thường, mà không ý thức được những tác động tiêu cực nó có thể gây ra. Tuy nhiên, một trong số những nghiên cứu về tác động của bạo lực ngôn từ đã chỉ ra rằng bạo lực ngôn từ có thể ảnh

hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe tinh thần của sinh viên, làm gia tăng mức độ căng thẳng, lo âu, thậm chí dẫn đến các vấn đề tâm lý nghiêm trọng và cũng có thể dẫn đến hậu quả cực đoan [2]. Trong bối cảnh này, vai trò của nhà quản lý giáo dục tại các trường đại học không chỉ dừng lại ở việc điều hành tổ chức mà còn bao gồm việc thiết lập các chuẩn mực hành vi, xây dựng môi trường học đường an toàn, nhân văn và tôn trọng sự khác biệt.

Với những lý do trên, nghiên cứu này giúp nhận diện các nguyên nhân thực trạng của vấn đề bạo lực ngôn từ đang tồn tại trong môi trường đại học, nêu lên những tác động của bạo lực ngôn từ đến môi trường đại học và người học, đồng thời chỉ ra vai trò của nhà quản lý giáo dục trước thực trạng bạo lực ngôn từ. Bên cạnh đó, đề xuất một số giải pháp quản lý, phòng ngừa và can thiệp hiệu quả nhằm xây dựng môi trường học đường tích cực, an toàn về mặt giao tiếp và ngôn ngữ.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp thu thập tài liệu

Thu thập tài liệu là quá trình tìm kiếm, chọn lọc và ghi nhận các thông tin, dữ liệu có sẵn liên quan đến đề tài nghiên cứu từ các nguồn đáng tin cậy như sách chuyên khảo, tạp chí khoa học, luận án, báo cáo nghiên cứu, cơ sở dữ liệu điện tử, tài liệu lưu trữ, ... Các nguồn tài liệu có thể chia thành nguồn tài liệu

Tác giả liên hệ: Lê Thị Đỗ Quyên

Email: quyenltd@hiu.vn

thứ cấp, bao gồm sách, bài báo khoa học, báo cáo nghiên cứu, luận án, tài liệu hội thảo. Đây là nguồn phổ biến nhất để phân tích lý luận và so sánh kết quả nghiên cứu. Nguồn tài liệu học thuật trực tuyến, bao gồm các cơ sở dữ liệu như Google Scholar, JSTOR, Scopus, Web of Science, ProQuest, ScienceDirect, ... giúp truy cập nhanh chóng đến các công trình nghiên cứu đã được kiểm duyệt.

2.2. Phương pháp phân tích tài liệu

Là quá trình xử lý và giải thích thông tin thu thập được từ các nghiên cứu, bài báo khoa học, bài báo cáo, tài liệu, ... để rút ra nhận định, lý thuyết hoặc khung phân tích phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu. Đây là phương pháp gián tiếp nhưng hiệu quả trong việc làm rõ các khái niệm và lập luận khoa học [3].

Tiến trình phân tích tài liệu bắt đầu bằng việc đọc hiểu và nắm bắt nội dung chính của tài liệu; phân loại tài liệu theo chủ đề, thời gian, trường phái lý luận hoặc phương pháp nghiên cứu; trích thông tin trọng yếu phục vụ cho việc xây dựng cơ sở lý thuyết hoặc đối chiếu kết quả nghiên cứu; đánh giá phê phán tài liệu: Xác định độ tin cậy, tính khách quan, hạn chế và đóng góp của từng tài liệu. Việc phân tích tài liệu giúp nhà nghiên cứu xác định khoảng trống nghiên cứu, định hình vấn đề nghiên cứu, xây dựng khung lý thuyết phù hợp và đối chiếu, so sánh kết quả nghiên cứu với các công trình trước đó.

2.3. Phương pháp phân tích theo chủ đề

Là phương pháp phân tích định tính dùng để xác định, phân loại và trình bày các mẫu chủ đề nổi bật trong một tập hợp dữ liệu. Đây là phương pháp linh hoạt, được sử dụng phổ biến trong các nghiên cứu xã hội, giáo dục và hành vi [3]. Để phân tích theo chủ đề, trước tiên cần làm quen với dữ liệu, đọc lại nhiều lần để hiểu tổng quan nội dung, mã hóa dữ liệu sơ cấp nhằm xác định các đoạn văn bản quan trọng và gắn mã phù hợp, tìm kiếm chủ đề thông qua nhóm các mã tương tự thành các chủ đề sơ bộ, xem xét lại chủ đề để đánh giá độ khớp giữa chủ đề và dữ liệu, đặt tên và định nghĩa chủ đề mà diễn đạt rõ nội hàm và phạm vi của từng chủ đề và cuối cùng viết báo cáo phân tích, tổng hợp chủ đề cùng dẫn chứng minh họa từ dữ liệu.

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp thu thập tài liệu, phân tích tài liệu, và phân tích theo chủ đề để làm rõ bản chất, nguyên nhân, tác động của bạo lực ngôn từ ở môi trường đại học và nêu bật vai trò của nhà quản lý giáo dục trước thực trạng này trong trường đại học.

3. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN

3.1. Bạo lực ngôn từ

Nghiên cứu của Khawla Lamghari và cộng sự cho rằng bạo lực ngôn từ là việc sử dụng liên tục ngôn ngữ gây tổn thương hoặc giọng điệu gay gắt để cố gắng kiểm soát người khác, bao gồm việc làm tổn hại đến danh tiếng của người khác thông qua nói xấu, châm biếm, hạ thấp phẩm giá, nói dối hay vu khống người khác [4]. Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), bạo lực ngôn từ là một dạng của bạo lực tâm lý, bao gồm hành vi lăng mạ, đe dọa, chửi rủa và các lời nói gây tổn thương tâm lý cho người khác [5].

3.2. Bạo lực ngôn từ trong học đường

Bạo lực ngôn từ trong học đường được hiểu là những lời nói, thái độ xúc phạm trấn áp người khác, gây nên những tổn thương về tinh thần, diễn ra trong phạm vi trường học. Bạo lực ngôn ngữ học đường bao gồm bạo lực tinh thần, tấn công bằng lời nói, chửi bới, lăng mạ, miệt thị hay quấy rối tình dục qua lời lẽ thô thiển và các dạng bắt nạt, chèn ép, cô lập bạn học, ... [2].

3.3. Bạo lực ngôn từ trên không gian mạng

Năm 2018, Trần Văn Công và cộng sự nghiên cứu về “Khái niệm và đặc điểm của bắt nạt trên mạng trong học sinh Việt Nam”, đã định nghĩa rằng bạo lực ngôn từ trên không gian mạng là hành vi gây hấn được thực hiện thông qua các thiết bị công nghệ hiện đại, đặc biệt là điện thoại di động và mạng xã hội [6]. Bạo lực ngôn từ trên không gian mạng được xem là hành vi lạm dụng ngôn ngữ của cư dân mạng khi sử dụng mạng xã hội trong không gian ảo nói riêng và là một phần mở rộng của bạo lực xã hội nói chung nhằm đe dọa, xúc phạm, hạ thấp giá trị người khác, thỏa mãn cảm xúc cá nhân, vô hình gây nên tổn thương tâm lý cho người tiếp nhận, thậm chí ảnh hưởng tới thể chất và thiệt hại cả tính mạng [2].

3.4. Các dạng bạo lực ngôn từ

- Mỉa mai, chế giễu, xúc phạm cá nhân: Đây là một trong những hình thức phổ biến nhất, thường biểu hiện qua lời nói mang tính mỉa mai, giễu cợt hoặc nhục mạ, đặc biệt khi nhắm vào năng lực học tập, ngoại hình, xuất thân hay hoàn cảnh cá nhân. Hành vi này làm sinh viên cảm thấy xấu hổ, tổn thương lòng tự trọng, từ đó dẫn đến sự lo âu kéo dài và mất tự tin trong giao tiếp và học tập, khiến sinh viên cảm thấy bị tổn thương sâu sắc [2]. Việc bị giảng viên hoặc bạn học chế giễu trước lớp có thể khiến sinh viên thu mình, giảm khả năng giao tiếp và biểu hiện lo âu kéo dài. Đây là hình thức bạo lực

ngôn từ thường được nguy trang dưới dạng "đùa cợt", nhưng lại mang tính chất xúc phạm, hạ thấp lòng tự trọng của người khác. Sinh viên bị nhạo báng thường có cảm giác xấu hổ, tự ti, dẫn đến giảm động lực học tập.

- Phê bình mang tính hạ thấp, nhấn mạnh lỗi cá nhân trước tập thể: Nhiều sinh viên cảm thấy áp lực nặng nề sau mỗi lần bị phê bình mang tính cá nhân, không mang tính góp ý. Đây là những lời nhận xét hoặc đánh giá thiếu khách quan, không có ý hướng cải thiện mà chủ yếu nhằm làm tổn thương lòng tự trọng của người học [2]. Điều này tạo ra tâm lý sợ sai, sợ thể hiện, ảnh hưởng lâu dài đến sự phát triển năng lực. Việc phê bình thiếu tinh tế, không mang tính góp ý xây dựng từ giảng viên hoặc bạn học có thể khiến sinh viên cảm thấy bị sỉ nhục hoặc bất công, dẫn đến cảm xúc tiêu cực và xa lánh việc học tập. Do đó, chỉ trích trực tiếp trước lớp học mà không hướng dẫn cải thiện có thể khiến sinh viên bị tổn thương tâm lý nghiêm trọng [5]. Thật vậy, việc làm xấu hổ sinh viên bằng cách nêu bật điểm yếu của họ trước mặt các bạn cùng lớp hoặc so sánh họ với người khác một cách bất lợi trước tập thể cũng là một loại bạo lực ngôn từ để lại những thương tổn trong tâm hồn sinh viên. [4].
- Phân biệt đối xử bằng lời nói (về giới, vùng miền, hoàn cảnh): Sự phân biệt ngôn từ trong môi trường đại học làm tăng cảm giác bị cô lập và giảm hiệu suất học tập [7]. Những bình luận mang tính phân biệt như: "Con gái học ngành này làm gì?", "Sinh viên quê thường lác hậu" là những biểu hiện của định kiến xã hội dưới dạng ngôn từ. Chúng gây tổn thương tâm lý lâu dài và làm suy giảm cơ hội hòa nhập của sinh viên trong môi trường học thuật.
- Đe dọa bằng lời nói hoặc dùng lời nói thao túng tâm lý: Một dạng nghiêm trọng khác là lời đe dọa, gây áp lực, hoặc lời nói thao túng khiến sinh viên cảm thấy tội lỗi, sợ hãi, hoặc bị kiểm soát cảm xúc. Điều này gây ra căng thẳng mạn tính và ảnh hưởng đến năng lực tư duy, phản xạ trong học tập [2]. Đe dọa bằng lời nói là hành vi sử dụng ngôn ngữ trực tiếp, gián tiếp hoặc ngụ ý để đe nẹt, gây sợ hãi hoặc buộc người khác phải làm theo ý muốn, thường đi kèm hàm ý tổn hại về thể chất, tâm lý, hoặc xã hội. Đây là một hình thức bạo lực tâm lý có thể gây ra hậu quả lâu dài.

Thao túng tâm lý bằng lời nói là hành vi sử dụng ngôn từ một cách có chủ đích nhằm điều khiển cảm xúc, suy nghĩ hoặc hành vi của người khác, thường là để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc duy trì quyền kiểm soát. Điều này gia tăng lo âu, trầm cảm, giảm lòng tự

trọng, rối loạn hành vi và khả năng ra quyết định [5]. Đặc biệt nguy hiểm trong môi trường học đường vì ảnh hưởng tới sự phát triển nhân cách và tương tác xã hội lành mạnh của sinh viên.

- Lan truyền tin đồn, nói xấu qua mạng xã hội: Trong thời đại kỹ thuật số, việc nói xấu, lan truyền tin đồn qua Facebook, Zalo, Messenger, nhóm chat trở thành hình thức bạo lực ngôn từ ngày càng phổ biến. Dù gián tiếp, nó gây áp lực tâm lý lớn, khiến sinh viên trầm cảm, né tránh tiếp xúc xã hội và có nguy cơ bỏ học. Trần Văn Công khẳng định bạo lực trực tuyến có ảnh hưởng tiêu cực tương đương với trực tiếp, thậm chí nghiêm trọng hơn bạo lực trực tiếp [8].

3.5. Sức khỏe tâm thần

Theo WHO [5], sức khỏe tâm thần là một trạng thái hạnh phúc trong đó cá nhân nhận thức được khả năng của mình, có thể đối phó với các căng thẳng bình thường trong cuộc sống, làm việc hiệu quả và đóng góp cho cộng đồng của mình. Hiệp hội Tâm lý Hoa Kỳ (APA) [9] mô tả sức khỏe tâm thần là một trạng thái tinh thần của sự hạnh phúc về cảm xúc, điều chỉnh hành vi tốt, tương đối tự do khỏi lo âu và các triệu chứng gây suy nhược, và khả năng thiết lập các mối quan hệ xây dựng và đối phó với các yêu cầu và căng thẳng thông thường của cuộc sống.

3.6. Tự do ngôn từ

Tự do ngôn từ có thể được hiểu như cách sử dụng ngôn ngữ và từ ngữ, thể hiện quan điểm, cảm xúc và suy nghĩ cá nhân thông qua lời nói, chữ viết hoặc các hình thức biểu đạt khác mà không bị kiểm duyệt hay trừng phạt. Tuy nhiên, trong môi trường đại học hiện nay, đặc biệt là trên không gian mạng, quyền tự do này đang đối mặt với nhiều thách thức do sự gia tăng của bạo lực ngôn từ.

Theo nghiên cứu tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh [7], sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội đã tạo điều kiện cho mọi người dễ dàng thể hiện ý kiến cá nhân. Tuy nhiên, điều này cũng dẫn đến việc một số cá nhân lợi dụng quyền tự do ngôn luận để công kích, xúc phạm người khác mà không phải chịu trách nhiệm pháp lý rõ ràng. Hành vi này không chỉ gây tổn thương tinh thần cho nạn nhân mà còn làm suy giảm chất lượng môi trường học thuật và giao tiếp trong trường đại học. Ngoài ra, một tiểu luận từ Trường Đại học Văn Lang [10] chỉ ra rằng bạo lực ngôn từ trên không gian mạng đang trở thành một vấn đề phổ biến trong giới trẻ, với nhiều hình thức như bình luận xúc phạm, bắt nạt trực tuyến và đe dọa. Khảo sát cho thấy một tỷ lệ

đáng kể sinh viên đã từng là nạn nhân của các hành vi này, ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tâm thần và kết quả học tập của họ.

Thật vậy, Khawla Lamghari khẳng định những tác động đáng kể ảnh hưởng đến người học ở các giai đoạn lứa tuổi, từ trẻ em đến người trưởng thành, bao gồm ảnh hưởng tâm lý, những vấn đề về hành vi, rối loạn tâm thần, rối loạn tâm trạng, trầm cảm, rối loạn nhân cách và rối loạn phân ly [4].

3.7. Các nền tảng lý thuyết

3.7.1. 8 giai đoạn phát triển tâm lý xã hội của Erik Erikson

Erik Erikson (1902 - 1994) [11] tập trung vào phát triển bản sắc cá nhân và mối quan hệ giữa cá nhân với xã hội trong suốt vòng đời con người được chia thành 8 giai đoạn. Theo ông, mỗi giai đoạn gắn với một khủng hoảng phát triển mà cá nhân cần vượt qua để trưởng thành một cách lành mạnh. Nếu cá nhân vượt qua thành công, họ sẽ phát triển một đức tính tích cực; nếu thất bại, sẽ hình thành khủng hoảng tâm lý hoặc các rối nhiễu về nhân cách.

- Giai đoạn 1 (Tin tưởng - Hoài nghi): Theo Erikson, đây là giai đoạn nền tảng trong cuộc đời. Vì một đứa trẻ sơ sinh hoàn toàn phụ thuộc người khác nên sự tin tưởng được hình thành giai đoạn này. Nếu không được chăm sóc và yêu thương đầy đủ, đứa trẻ sẽ cảm thấy rằng mình không thể tin tưởng hoặc lệ thuộc vào người lớn nào trong đời mình. Nếu trẻ xây dựng niềm tin thành công, nó sẽ bắt đầu cảm thấy an toàn và yên tâm trong thế giới của mình.
- Giai đoạn 2 (Tự chủ - Tội lỗi): Giai đoạn này diễn ra trong suốt đầu thời thơ ấu và tập trung vào việc học cách kiểm soát quá trình vận hành của bản thân sẽ giúp trẻ cảm thấy mình có quyền kiểm soát và cảm nhận rõ ràng về tính độc lập về năng lực kiểm soát cá nhân. Trẻ nào hoàn thành giai đoạn này thành công sẽ cảm thấy an tâm và tự tin, trong khi những trẻ không hoàn thành tốt sẽ cảm thấy thiếu hụt và tự nghi hoặc bản thân mình.
- Giai đoạn 3 (Chủ động - Cảm giác tội lỗi): Trẻ bắt đầu khẳng định sức mạnh và sự kiểm soát thế giới qua hoạt động đóng kịch và các hoạt động tương tác xã hội khác. Trẻ nào thành công trong giai đoạn này sẽ cảm thấy mình có khả năng và có thể lãnh đạo người khác. Trẻ nào không có được những kỹ năng này sẽ cảm thấy tội lỗi, nghi ngờ bản thân và thiếu sự chủ động.
- Giai đoạn 4 (Siêng năng - Tự ti): Nhờ tương tác xã hội, trẻ bắt đầu cảm thấy tự hào về những thành tích và năng lực của bản thân. Trẻ nào nhận được sự động viên và khen ngợi từ cha mẹ và thầy cô sẽ

bắt đầu cảm nhận về năng lực và niềm tin vào các kỹ năng của mình. Trẻ nào không nhận được sự khích lệ từ cha mẹ, thầy cô hoặc bạn bè sẽ nghi ngờ về năng lực đạt được thành công của mình.

- Giai đoạn 5 (Định hình cái tôi - Bối rối về vai trò): Giai đoạn này đóng một vai trò thiết yếu trong sự phát triển cảm nhận về định hình (bản dạng) cái tôi, bản dạng này sẽ tiếp tục ảnh hưởng lên hành vi và sự phát triển của toàn bộ cuộc sống sau này. Những người nhận được sự khích lệ và củng cố phù hợp sẽ vượt qua giai đoạn này với sự cảm nhận mạnh mẽ về bản thân, cảm giác tự lập và chủ động kiểm soát. Những người vẫn còn không chắc chắn về những niềm tin và ham muốn của mình sẽ cảm thấy bất an và bối rối về bản thân cũng như tương lai.
- Giai đoạn 6 (Gắn bó - Cô lập): Erikson tin rằng việc chúng ta hình thành những mối quan hệ gần gũi, gắn kết với người khác là một điều tối quan trọng. Những người hoàn thành bước này tốt sẽ hình thành được những mối quan hệ bền lâu và đảm bảo. Ngược lại, những người có cảm quan kém về bản thân, có ít mối quan hệ gắn kết hơn và dễ bị cô lập cảm xúc, cô đơn và trầm cảm.
- Giai đoạn 7 (Kiến tạo giá trị - Đình trệ): Người thành công trong giai đoạn này sẽ cảm thấy mình đang chủ động đóng góp cho thế giới qua các hoạt động ở nhà và ở cộng đồng. Những người không thể đạt được kỹ năng này sẽ cảm thấy mình không có ích và không gắn kết với thế giới.
- Giai đoạn 8 (Trọn vẹn - Thất vọng): Giai đoạn phát triển tâm lý xã hội cuối cùng xuất hiện trong suốt những năm về già và tập trung vào những hồi tưởng về cuộc đời. Những người không thành công ở giai đoạn này sẽ cảm thấy cuộc sống của họ bị lãng phí và sẽ trải qua vô cùng nhiều nỗi ân hận. Họ sẽ cảm thấy cay đắng và thất vọng.



Hình 1. 8 giai đoạn phát triển tâm lý xã hội của Erik Erikson

3.7.2. Lý thuyết vi hiếp (microaggression) của Derald Wing Sue

Nhà tâm lý Derald Wing Sue [12] đã phổ biến lý thuyết vi hiếp nhằm mô tả những hành vi, lời nói hoặc biểu hiện không rõ ràng nhưng gây tổn thương, xúc phạm hoặc làm giảm giá trị người khác, đặc biệt là những nhóm thiểu số. Theo ông, vi hiếp thường tồn tại dưới ba dạng:

- Tấn công vi mô (microassault): Những hành động tấn công, công kích ở cấp độ vi mô là lời nói, lời lăng mạ và hành động đối với người thiểu số. Ví dụ: gọi tên, có hành vi tránh né hay hành động phân biệt đối xử có mục đích.
- Lăng mạ vi mô (microinsult): Truyền đạt sự thô lỗ và thiếu tế nhị và hạ thấp nhận dạng của người thiểu số; có những lời dè bĩu ngầm hay tin nhắn ẩn danh xúc phạm nạn nhân.
- Phủ nhận vi mô (microinvalidation): Loại trừ, phủ nhận trải nghiệm phân biệt đối xử của người thiểu số.

4. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

4.1. Những nguyên nhân của bạo lực ngôn từ trong trường đại học

4.1.1. Sự bình thường hóa hành vi vi hiếp

Trong môi trường đại học, những lời nói mỉa mai, định kiến về giới tính, vùng miền hay học lực thường bị xem là đùa cợt, từ đó góp phần hợp thức hóa bạo lực ngôn từ. Ví dụ, một sinh viên bị nhóm sinh viên trong lớp tẩy chay vì là người nhà quê có giọng nói khó nghe. Đây là một dạng vi hiếp vùng miền, nhưng lại không được xem là hành vi bạo lực, dẫn đến sự bỏ quên trong các can thiệp. Theo lý thuyết vi hiếp của Derald Wing Sue, những hành vi, lời nói hoặc môi trường truyền thông điệp xúc phạm tinh vi, vô thức hoặc cố ý nhắm vào người thuộc nhóm yếu thế [12].

Những hành vi vi hiếp thường được ngụy trang trong lời nói đùa, nhận xét vô hại hoặc hành vi thân thiện, điều này khiến người tiếp nhận cảm thấy bị xúc phạm nhưng khó phản ứng. Nạn nhân bị cô lập hoặc không có hệ thống hỗ trợ để phản ánh những trải nghiệm này, vì không đủ chứng cứ rõ ràng hoặc lo ngại bị đánh giá là quá nhạy cảm. Nhà quản lý và giảng viên không được đào tạo để nhận diện những hành vi vi hiếp có thể dẫn đến việc xem nhẹ hoặc bỏ qua, vô tình tiếp tục duy trì văn hóa ngôn ngữ gây tổn thương hoặc bỏ quên do không có sự nhạy cảm văn hóa và năng lực nhận diện.

4.1.2. Giai đoạn phát triển tâm lý của sinh viên

Theo lý thuyết phát triển tâm lý xã hội của Erik Erikson, sinh viên đại học thường nằm trong giai đoạn tìm kiếm bản sắc bản thân, nơi họ cần sự công

nhận và hỗ trợ để xác lập vai trò xã hội và giá trị cá nhân [11]. Tuy nhiên, bạo lực ngôn từ từ bạn bè, giảng viên hoặc cán bộ quản lý có thể làm tổn thương quá trình phát triển này, vì sinh viên còn ở giai đoạn tự khẳng định, họ có thể không dám lên tiếng hoặc xem nhẹ sự xúc phạm như là điều bình thường.

Ở giai đoạn hình thành bản sắc, sinh viên dễ bị ảnh hưởng bởi môi trường xung quanh trong việc xác lập giá trị cá nhân. Tuy nhiên, nếu môi trường đại học dung túng hoặc không lên án ngôn ngữ thù địch, kỳ thị, sinh viên dễ xem đây là điều bình thường. Việc thiếu định hướng từ người lớn (giảng viên, nhà quản lý) khiến sinh viên không nhận ra đâu là ranh giới giữa tự do ngôn từ và bạo lực ngôn từ.

Do đó, giai đoạn phát triển chưa ổn định cùng môi trường thiếu hướng dẫn khiến hành vi bạo lực ngôn từ bị xem nhẹ và không được nhận diện đúng mức.

4.1.3. Thiếu chính sách nhận diện và xử lý rõ ràng trong nhà trường

Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Châm và cộng sự [1], hầu hết những sinh viên là nạn nhân của bạo lực ngôn từ không biết phải báo cáo bạo lực ngôn từ ở đâu và với ai. Nhiều trường đại học chưa có quy chế cụ thể xử lý các hành vi bạo lực ngôn từ hoặc chỉ tập trung vào bạo lực thể chất. Điều này góp phần khiến hành vi vi hiếp không bị báo cáo hoặc xử lý, tiếp tục duy trì trạng thái bị lãng quên. Bên cạnh đó, văn hóa đổ lỗi cho nạn nhân và bình thường hóa ngôn từ gây tổn thương, nhiều sinh viên và giảng viên cho rằng lời nói không gây hậu quả nghiêm trọng. Các cụm từ như "nói vui thôi", "thế hệ trẻ quá nhạy cảm", hay "tụi sinh viên bây giờ yếu ớt quá" được sử dụng để bao biện [8].

Vì vậy, việc thiếu đào tạo về giao tiếp phi bạo lực và nhận diện bạo lực vi mô đối với cán bộ quản lý và giảng viên vô tình tiếp tay cho bạo lực ngôn từ tiếp tục diễn ra trong môi trường học thuật.

4.2. Tác động của bạo lực ngôn từ đến môi trường đại học và người học

4.2.1. Gây tổn hại đến sức khỏe tinh thần

Các nghiên cứu quốc tế cho thấy bạo lực ngôn từ làm gia tăng mức độ căng thẳng, lo âu và trầm cảm ở sinh viên [13]. Theo Sue và cộng sự, hành vi vi hiếp có thể dẫn đến chấn thương tâm lý tích lũy [12]. Tại Việt Nam, tuy chưa có nhiều nghiên cứu chính thức, nhưng các khảo sát nội bộ trong trường cho thấy sinh viên bị tổn thương tâm lý khi bị giảng viên hoặc bạn bè xúc phạm. Tác giả Nguyễn Thúy Lan Anh và cộng sự đã dẫn ra những ảnh hưởng của sức khỏe tinh thần như kiệt quệ cảm xúc, đánh mất lòng tự trọng, khả năng giải quyết xung đột kém [14].

4.2.2. *Phá vỡ môi trường học tập an toàn*

Một môi trường học thuật lành mạnh đòi hỏi sự tôn trọng lẫn nhau. Khi bạo lực ngôn từ tồn tại mà không được can thiệp, nó tạo ra văn hóa im lặng, phòng vệ và thiếu kết nối giữa các thành viên trong nhà trường, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng giảng dạy và học tập.

Với sinh viên: Bạo lực ngôn từ ảnh hưởng nghiêm trọng đến tâm lý và kết quả học tập của sinh viên. Những sinh viên bị xúc phạm, chế giễu, hoặc bị cô lập bằng ngôn từ thường có xu hướng thu mình, mất động lực học tập, và gia tăng nguy cơ trầm cảm, lo âu [5]. Ngoài ra, những hành vi bạo lực lời nói từ phía giảng viên - chẳng hạn như phê phán nặng nề, mỉa mai trước lớp - cũng có thể làm mất niềm tin của sinh viên vào môi trường giáo dục, cản trở sự phát triển nhân cách và học thuật [8].

Với giảng viên và mối quan hệ sư phạm: Giảng viên cũng là đối tượng có thể bị bạo lực ngôn từ - đặc biệt là từ phía sinh viên trên các nền tảng mạng xã hội hoặc qua phản hồi ẩn danh. Các hình thức chỉ trích mang tính xúc phạm, vu khống, hoặc không có cơ sở có thể ảnh hưởng đến danh tiếng, tinh thần làm việc, và động lực giảng dạy của giảng viên [8]. Quan hệ giữa giảng viên - sinh viên vì thế bị ảnh hưởng tiêu cực, không còn nền tảng của sự tôn trọng và đối thoại mang tính giáo dục.

Với môi trường học thuật và văn hóa học đường: Làm suy giảm chất lượng tranh luận học thuật, cản trở sự sáng tạo. Bạo lực ngôn từ tạo ra một môi trường học thuật không an toàn - nơi mà đối thoại, phản biện và tranh luận học thuật không còn được khuyến khích do sợ bị công kích cá nhân. Không khí học đường trở nên căng thẳng, nặng nề và thiếu tinh thần hỗ trợ lẫn nhau. Điều này mâu thuẫn với triết lý giáo dục hiện đại - nơi đề cao môi trường học tập toàn diện, an toàn và phát triển con người một cách nhân bản [6].

4.3. *Vai trò của nhà quản lý giáo dục*

Bạo lực ngôn từ dù diễn ra trong lớp học, môi trường trực tuyến hay các tương tác hằng ngày, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tinh thần, hiệu suất học tập và văn hóa trường học. Vai trò của nhà quản lý giáo dục trước thực trạng bạo lực ngôn từ trong trường đại học là một vấn đề mang tính chiến lược và nhân văn sâu sắc. Trong bối cảnh bạo lực ngôn từ ngày càng tinh vi và phổ biến dưới nhiều hình thức như trực tiếp, mạng xã hội, ẩn danh, ... nhà quản lý giáo dục không chỉ là người điều hành hành chính mà còn là nhà kiến tạo văn hóa, nhà giáo dục và bảo vệ con người trong môi trường học đường.

Trước thực trạng bạo lực ngôn từ ngày càng gia tăng

trong môi trường đại học, vai trò của nhà quản lý giáo dục trở nên đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng văn hóa học đường lành mạnh và nhân văn. Nhà quản lý không chỉ là người thiết lập các quy tắc ứng xử mà còn là người dẫn dắt trong việc giáo dục nhân cách, truyền thông phi bạo lực và tạo môi trường an toàn cho cả giảng viên lẫn sinh viên. Việc bạo lực ngôn từ diễn ra dưới nhiều hình thức như miệt thị, mỉa mai, công kích cá nhân trên mạng xã hội hoặc trong các mối quan hệ thầy - trò, trò - trò, gây tổn thương tâm lý nghiêm trọng và ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục [8]. Nhà quản lý giáo dục cần đóng vai trò trung gian trong việc giải quyết xung đột, đồng thời triển khai các chương trình giáo dục kỹ năng giao tiếp phi bạo lực, đối thoại đồng cảm, cũng như thiết lập hệ thống báo cáo, phản hồi kịp thời. Ngoài ra, họ cần phối hợp với giảng viên và cố vấn học tập để định hướng giá trị, nuôi dưỡng sự tôn trọng và thấu cảm trong cộng đồng học đường. Việc chủ động ứng phó với bạo lực ngôn từ không chỉ bảo vệ người học mà còn góp phần giữ gìn phẩm chất nhân văn của giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa.

Bạo lực ngôn từ trong môi trường đại học là một hiện tượng có thật, gây ảnh hưởng sâu sắc đến sức khỏe tâm thần và chất lượng học tập của sinh viên, nhưng vẫn bị lãng quên trong nhiều chính sách giáo dục. Thông qua lý thuyết của Erikson và Derald, có thể thấy rằng sự thiếu nhận diện và hệ thống hóa vấn đề này nằm ở cả mức độ cá nhân lẫn cấu trúc xã hội. Vì thế, nhà quản lý giáo dục cần vào cuộc mạnh mẽ hơn trong việc xây dựng chính sách, truyền thông và văn hóa học đường nhằm giải quyết hiện tượng này một cách toàn diện. Hiện tượng này vẫn chưa được nghiên cứu sâu hoặc thể hiện rõ trong chính sách học đường. Nhiều trường học vẫn chưa phân biệt rõ giữa tự do ngôn luận và bạo lực ngôn từ, gây khó khăn trong việc can thiệp và giáo dục phòng ngừa [1].

5. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

5.1. *Kết luận*

Bạo lực ngôn từ trong môi trường đại học là một hiện tượng nghiêm trọng nhưng vẫn chưa nhận được sự quan tâm đúng mức trong các chính sách giáo dục và nghiên cứu học thuật tại nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam. Dưới góc nhìn của lý thuyết phát triển tâm lý xã hội của Erikson, sinh viên ở giai đoạn hình thành bản sắc dễ bị tổn thương khi đối diện với các hành vi bạo lực ngôn từ, từ đó ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình tự khẳng định bản thân và phát triển cá nhân [11]. Đồng thời, qua lăng kính của Derald vi hiếp - với tính chất biểu tượng và tàng hình - khiến hành vi bạo lực ngôn từ trở nên bình thường hóa trong đời sống

học đường, làm suy yếu khả năng nhận diện và can thiệp của nhà trường [12]. Trong bối cảnh này, vai trò của nhà quản lý giáo dục ngày càng trở nên thiết yếu trong việc xây dựng văn hóa học đường an toàn, nhân văn và tôn trọng. Nhà quản lý không chỉ đóng vai trò giám sát, xử lý vi phạm mà còn cần thực hiện vai trò người lãnh đạo có tầm nhìn, người kiến tạo môi trường học tập tích cực và người truyền cảm hứng trong thay đổi hành vi ngôn ngữ.

Thông qua việc phân tích vai trò của nhà quản lý giáo dục và thực trạng của bạo lực ngôn từ trong trường đại học, nghiên cứu nhấn mạnh rằng tác động của bạo lực ngôn từ không dừng lại ở cấp độ cá nhân, mà còn lan rộng ra toàn bộ môi trường học thuật. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng hành vi vi phạm thường xuyên dẫn đến sự suy giảm sức khỏe tinh thần, làm gia tăng tỷ lệ lo âu, trầm cảm và cảm giác bị tách biệt xã hội ở sinh viên. Những yếu tố này không chỉ làm giảm hiệu quả học tập của người học mà còn ảnh hưởng đến văn hóa học đường, chất lượng giảng dạy, và danh tiếng học thuật của cơ sở giáo dục đại học.

Do đó, việc nhận diện và giải quyết bạo lực ngôn từ cần được xem là một nhiệm vụ cấp thiết trong công tác quản lý giáo dục đại học hiện nay. Chỉ khi bạo lực ngôn từ được đặt đúng vị trí trong hệ thống giáo dục, chất lượng đào tạo và sức khỏe tâm lý của người học mới được đảm bảo một cách bền vững.

5.2. Khuyến nghị

Để ứng phó hiệu quả với bạo lực ngôn từ trong các trường đại học, cần có các biện pháp đồng bộ từ chính sách, quản lý, đào tạo đến thay đổi văn hóa học đường. Dưới đây là một số khuyến nghị có thể ứng dụng trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam:

- Thiết lập bộ quy tắc ứng xử ngôn ngữ trong nhà trường [15]: Hiện nay, hệ thống quy chế, quy định nội bộ của nhiều trường đại học ở Việt Nam mới chỉ đề cập chung đến “hành vi vi phạm đạo đức nhà giáo” hoặc “hành vi thiếu văn hóa” mà chưa có phân loại cụ thể và cơ chế xử lý đối với bạo lực ngôn từ. Do đó, các trường đại học cần xây dựng bộ quy tắc đạo đức và ngôn ngữ giao tiếp, trong đó quy định rõ ràng các hành vi ngôn ngữ không được chấp nhận và hình thức xử lý tương ứng.
- Nâng cao năng lực quản lý xung đột và truyền

thông cho cán bộ quản lý [16]: Nhà quản lý cần được bồi dưỡng về kỹ năng truyền thông phi bạo lực, kỹ năng giải quyết xung đột, lắng nghe tích cực và phương pháp tiếp cận dựa trên nhân văn và giáo dục cảm xúc.

- Tổ chức các chương trình truyền thông và đào tạo nhận thức [14]: Sinh viên và giảng viên cần được tham gia các chương trình truyền thông, tổ chức định kỳ các chương trình đào tạo về những kỹ năng giao tiếp phi bạo lực, nhận diện các biểu hiện hành vi vi phạm và thực hành phản hồi tích cực nhằm nâng cao nhận thức về hậu quả của bạo lực ngôn từ, đặc biệt trong môi trường sống như mạng xã hội.
- Thiết lập cơ chế phản ánh và hỗ trợ tâm lý hiệu quả [13]: Các trường đại học có kênh phản ánh ẩn danh và đội ngũ chuyên viên tư vấn tâm lý để hỗ trợ nạn nhân của bạo lực ngôn từ một cách kịp thời và nhân văn [8]. Áp dụng mô hình giáo dục đồng hành và xây dựng văn hóa trường học dựa trên tôn trọng và yêu thương.

5.3. Hướng nghiên cứu tiếp theo

Dựa trên hệ thống các tài liệu nghiên cứu thu thập được, cùng kinh nghiệm thực tiễn của tác giả cho thấy thực trạng bạo lực ngôn từ trong trường đại học đang là một hiện tượng phức tạp và đa chiều, có xu hướng gia tăng trong bối cảnh giao tiếp ngày càng mở rộng cả trực tiếp và trực tuyến, âm thầm để lại những hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng đến tâm lý, cảm xúc, chất lượng học tập và cuộc sống. Thực tế cho thấy, nhiều sinh viên tuy bị tổn thương nặng nhưng vẫn vượt qua được nếu có người hỗ trợ, có kiến thức để nhận diện và bảo vệ bản thân, có nhóm bạn tích cực, hoặc cơ hội được giải bày. Đây là lý do để tác giả đề xuất mở rộng nghiên cứu chủ đề này dưới một số khía cạnh sau:

- Khả năng phục hồi tâm lý của sinh viên sau khi bị bạo lực ngôn từ trong trường đại học.
- Bạo lực ngôn từ trong ngôn ngữ “giễu cợt - đùa vui” giữa sinh viên: Ranh giới giữa hài hước và tổn thương.
- So sánh bạo lực ngôn từ trong các ngành học khác nhau (Kỹ thuật, Sư phạm, Y khoa, ...).
- Ảnh hưởng của bạo lực ngôn từ đến sự phát triển nhân cách và giá trị sống của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] N. T. Châm & cộng sự, “Pháp luật của một số nước đối với bạo lực ngôn từ trên mạng xã hội và giá trị tham khảo đối với Việt Nam,” *Khoa học Kiểm sát*. Chuyên đề 03/2020.
- [2] Đ. V. Thái & Đ. T. T. Phương, “Bạo lực ngôn ngữ

học đường - Vấn đề nổi cộm của sinh viên đại học,” *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*. Số 261. Kỳ 2. 03/2022.

- [3] K. Krippendorff, *Content Analysis: An Introduction to Its Methodology*, 3rd ed., Thousand Oaks, CA: SAGE, 2013.

- [4] L. Khawla và cộng sự, "The impact of teachers' verbal aggressiveness on students' academic performance and emotional well-being: A correlational analysis," *Contemporary Research in Education and English Language Teaching*, Vol. 7, No. 1, 33-42, 2025. DOI: 10.55214/26410230.v7i1.5017
- [5] Tổ chức Y tế Thế giới, "Systematic review and meta-analysis of verbal and physical violence against healthcare workers in the Eastern Mediterranean Region," *EMHJ*, vol. 29, no. 10, 2023. [Trực tuyến]. Có tại: <https://joomla.emro.who.int/emhj-volume-29-2023/volume-29-issue-10/systematic-review-and-meta-analysis-of-verbal-and-physical-violence-against-healthcare-workers-in-the-eastern-mediterranean-region.html>.
- [6] T. V. Cong & cộng sự, "Definition and Characteristics of Cyberbullying among Vietnamese Students," *VNU Journal of Science: Education Research*, vol. 34, no. 4, pp. 1-10, 2018.
- [7] Trường Đại học Kinh tế TP.HCM, "Văn hóa internet: Tự do ngôn luận hay bạo lực ngôn từ," 2020. [Trực tuyến]. Có tại: <https://www.studocu.vn/vn/document/truong-dai-hoc-kinh-te-thanh-pho-ho-chi-minh/thong-ke-ung-dung/van-hoa-internet-tu-do-ngon-luan-hay-bao-luc-ngon-tu/101102515>.
- [8] C. M. Lan, N. T. L. Anh & T. T. Huyền, "Bạo lực ngôn từ trên mạng xã hội ở Việt Nam - Thực trạng và một số giải pháp hạn chế," *Tạp chí Giáo dục Xã hội*, 02/2022.
- [9] U.S. Centers for Disease Control and Prevention, "Mental Health," [Trực tuyến]. Có tại: <https://www.cdc.gov/mentalhealth/index.htm>.
- [10] Trường Đại học Văn Lang, "Tiểu luận: Bạo lực ngôn từ trên không gian mạng hiện nay," 2022. [Trực tuyến]. Có tại: <https://www.studocu.com/vn/document/dai-hoc-van-lang/tu-duy-phan-bien/71k29tdpt12-nhom10-tieu-luan-bao-luc-ngon-tu-tren-khong-gian-mang-hien-nay/94562431>.
- [11] E. H. Erikson, *Identity: Youth and Crisis*. New York: W. W. Norton & Company, 1968.
- [12] D. W. Sue, *Microaggressions in Everyday Life: Race, Gender, and Sexual Orientation*, Hoboken, NJ: Wiley, 2010.
- [13] C. Chang & Y. Zheng, "Study on the causes and intervention of college students' verbal bullying," *Education and Humanities Research*, vol 468, 2020.
- [14] N. T. L. Anh và cộng sự, "Mối quan hệ giữa hành vi khiếm nhã, hạnh phúc chủ quan và vai trò trung gian của cảm xúc: Trường hợp nghiên cứu tại các trường đại học Việt Nam," *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ*, 2023. DOI: <https://doi.org/10.32508/stdjelm.v7i2.1202>
- [15] Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, *Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục đại học*, Hà Nội, 2022.
- [16] N. T. Đức & T. T. T. Thủy, "Phát ngôn thù ghét trên mạng xã hội - Những vấn đề pháp lý đặt ra," *Nhà nước và Pháp luật*, số 3/2020.

The role of educational managers in the reality of verbal abuse in universities

Le Thi Do Quyen

ABSTRACTS

Verbal abuse is understood as insulting, derogatory, or mentally attacking words, a form of non-physical violence but leaving profound psychological and social consequences. The university environment, where academic freedom and comprehensive development of learners are highly valued, however, verbal abuse is quietly existing in many different forms and spaces, and it seems that it has not yet received due attention from researchers and educational managers. Based on Erik Erikson's psychosocial development theory and Derald Wing Sue's microaggression theory, this study applies document analysis, basic research and thematic analysis to clarify the nature, causes and impacts of verbal abuse in the university context. The results show that verbal abuse does not only negatively affect students' mental health and identity development, but also undermines the quality of education and trust in the academic environment. At the same time, the role of educational managers is essential in developing response policies, developing a culture of respect, and creating a healthy university environment.

Keywords: verbal abuse, education manager, university students, university

Received: 18/5/2025

Revised: 03/7/2025

Accepted for publication: 07/7/2025